BỘ Y TẾ
VIỆN PASTEUR NHA TRANG
KHOA SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG – BỆNH NGHỀ NGHIỆP
DEPARTMENT OF ENVIRONMENTAL AND OCCUPATIONAL HEALTH

ilac-MRA AOSC VLAT 1.0036 ISO/IEC 17025:2017

Mã mẫu / Sample Code: 123/11/2026/HH-VS	**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM** TEST REPORT Số/No: 138/11/2026	Ngày / Date: 18/11/2026

Khách hàng */ Client* : CÔNG TY TNHH CẤP NƯỚC ĐÔNG MỸ HẢI
Địa chỉ */ Address* : 44 Lê Lợi, phường Phan Rang, tỉnh Khánh Hòa
Loại mẫu */ Type of sample* : Nước máy
Nơi lấy mẫu */ Place of sampling* : Cuối tuyến ống
Mô tả mẫu */ Sample description* : Mẫu đựng trong 1 can nhựa 2 lít
Ngày lấy mẫu */ Date of sampling* : 10/11/2026
Ngày nhận mẫu */ Sample received on* : 10/11/2026
Ngày kiểm nghiệm */ Sample tested on* : Từ ngày 10/11/2026
Thời gian lưu mẫu */ Sample storage period* : 10 ngày kể từ ngày trả kết quả

STT / No	Tên thông số / Parameter	Phương pháp kiểm nghiệm / Test method	Kết quả / Result	Ngưỡng giới hạn cho phép / Allowable limit(*)
1	Coliform tổng số(a) (CFU/100mL)	(ISO 9308-1:2014)	< 1	< 1
2	*E.coli*(a) (CFU/100mL)	(ISO 9308-1:2014)	< 1	< 1
3	Asen(a) (mg/L)	QTKN/HL/11 (SMEWW-3125:2023)	0,002	0,01
4	Clo dư(a) (mg/L)	QTKN/HL/27 (SMEWW - 4500 Cl-F:2023)	0,2	0,2 - 1
5	Độ đục(a) (NTU)	QTKN/HL/01 (SMEWW-2130 B:2023)	< 0,1	2
6	Màu(a) (Pt/Co)	QTKN/HL/15 (SMEWW - 2120 C:2023)	< 3,0	15
7	Mùi(a)	QTKN/HL/64 (TCVN 2653:1978)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
8	pH(a)	QTKN/HL/10 (SMEWW - 4500 (H^+)-B:2023)	7,4	6 - 8,5
9	Amoni(a) (mgN/L)	QTKN/HL/04 (SMEWW - 4500 NH_3-F:2023)	< 0,1	1
10	Chỉ số Pecmanganat(a) (mg/L)	QTKN/HL/18 (TCVN 6186:1996)	0,9	2

Ghi chú:

(a): Thông số được công nhận phù hợp với ISO/IEC 17025:2017/ Parameter is accredited ISO/IEC 17025:2017

(*): Ngưỡng giới hạn cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt (QCVN 01-1:2024/BYT);

***Nhận xét:** Các thông số được phân tích trên đây nằm trong ngưỡng giới hạn cho phép của Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt (QCVN 01-1:2024/BYT).*

TRƯỞNG KHOA
HEAD OF DEPARTMENT

Hồ Văn Quốc

VIỆN TRƯỞNG
DIRECTOR

VIỆN PASTEUR NHA TRANG

Đỗ Thái Hùng

BM-TT-7.8

1.Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu được kiểm nghiệm./ *This result is only valid on tested sample.*
2.Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Pasteur Nha Trang.
/This test report must not be reproduced, partially or fully, without the written approval of Pasteur Institute in Nha Trang.
3.Thông tin của khách hàng và mẫu do khách hàng cung cấp./ *The sample information are written as client's request.*

Được quét bằng CamScanner

BỘ Y TẾ
VIỆN PASTEUR NHA TRANG
KHOA SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG – BỆNH NGHỀ NGHIỆP
DEPARTMENT OF ENVIRONMENTAL AND OCCUPATIONAL HEALTH

ilac-MRA AOSC VLAT 1.0036 ISO/IEC 17025:2017

Mã mẫu / Sample Code: 122/11/2026/HH-VS	PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM TEST REPORT Số/No: 137/11/2026	Ngày / Date: 18/11/2026

Khách hàng */ Client* : CÔNG TY TNHH CẤP NƯỚC ĐÔNG MỸ HẢI
Địa chỉ */ Address* : 44 Lê Lợi, phường Phan Rang, tỉnh Khánh Hòa
Loại mẫu */ Type of sample* : Nước máy
Nơi lấy mẫu */ Place of sampling* : Đầu tuyến ống
Mô tả mẫu */ Sample description* : Mẫu đựng trong 1 can nhựa 2 lít
Ngày lấy mẫu */ Date of sampling* : 10/11/2026
Ngày nhận mẫu */ Sample received on* : 10/11/2026
Ngày kiểm nghiệm */ Sample tested on* : Từ ngày 10/11/2026
Thời gian lưu mẫu */ Sample storage period* : 10 ngày kể từ ngày trả kết quả

STT / No	Tên thông số / Parameter	Phương pháp kiểm nghiệm / Test method	Kết quả / Result	Ngưỡng giới hạn cho phép / Allowable limit(*)
1	Coliform tổng số(a) (CFU/100mL)	(ISO 9308-1:2014)	< 1	< 1
2	*E.coli*(a) (CFU/100mL)	(ISO 9308-1:2014)	< 1	< 1
3	Asen(a) (mg/L)	QTKN/HL/11 (SMEWW-3125:2023)	0,002	0,01
4	Clo dư(a) (mg/L)	QTKN/HL/27 (SMEWW - 4500 Cl-F:2023)	0,2	0,2 - 1
5	Độ đục(a) (NTU)	QTKN/HL/01 (SMEWW-2130 B:2023)	< 0,1	2
6	Màu(a) (Pt/Co)	QTKN/HL/15 (SMEWW - 2120 C:2023)	< 3,0	15
7	Mùi(a)	QTKN/HL/64 (TCVN 2653:1978)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
8	pH(a)	QTKN/HL/10 (SMEWW - 4500 (H^+)-B:2023)	7,2	6 - 8,5
9	Amoni(a) (mgN/L)	QTKN/HL/04 (SMEWW - 4500 NH_3-F:2023)	< 0,1	1
10	Chỉ số Pecmanganat(a) (mg/L)	QTKN/HL/18 (TCVN 6186:1996)	0,9	2

Ghi chú:

(a): Thông số được công nhận phù hợp với ISO/IEC 17025:2017/ Parameter is accredited ISO/IEC 17025:2017

(*): Ngưỡng giới hạn cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt (QCVN 01-1:2024/BYT);

Nhận xét: Các thông số được phân tích trên đây nằm trong ngưỡng giới hạn cho phép của Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt (QCVN 01-1:2024/BYT).

TRƯỞNG KHOA
HEAD OF DEPARTMENT

Hồ Văn Quốc

VIỆN TRƯỞNG
DIRECTOR

VIỆN PASTEUR NHA TRANG

Đỗ Thái Hùng

BM-TT-7.8

1.Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu được kiểm nghiệm./ *This result is only valid on tested sample.*
2.Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Pasteur Nha Trang. */This test report must not be reproduced, partially or fully, without the written approval of Pasteur Institute in Nha Trang.*
3.Thông tin của khách hàng và mẫu do khách hàng cung cấp./ *The sample information are written as client's request.*

Được quét bằng CamScanner

BỘ Y TẾ
VIỆN PASTEUR NHA TRANG
KHOA SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG – BỆNH NGHỀ NGHIỆP
DEPARTMENT OF ENVIRONMENTAL AND OCCUPATIONAL HEALTH

ilac-MRA AOSC VLAT 1.0036 ISO/IEC 17025:2017

Mã mẫu / Sample Code: 121/11/2026/HH-VS	PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM TEST REPORT Số/No: 136/11/2026	Ngày / Date: 18/11/2026

Khách hàng */ Client* : CÔNG TY TNHH CẤP NƯỚC ĐÔNG MỸ HẢI
Địa chỉ */ Address* : 44 Lê Lợi, phường Phan Rang, tỉnh Khánh Hòa
Loại mẫu */ Type of sample* : Nước máy
Nơi lấy mẫu */ Place of sampling* : Cụm xử lý nước sạch
Mô tả mẫu */ Sample description* : Mẫu đựng trong 1 can nhựa 2 lít
Ngày lấy mẫu */ Date of sampling* : 10/11/2026
Ngày nhận mẫu */ Sample received on* : 10/11/2026
Ngày kiểm nghiệm */ Sample tested on* : Từ ngày 10/11/2026
Thời gian lưu mẫu */ Sample storage period* : 10 ngày kể từ ngày trả kết quả

STT / No	Tên thông số / Parameter	Phương pháp kiểm nghiệm / Test method	Kết quả / Result	Ngưỡng giới hạn cho phép / Allowable limit(*)
1	Coliform tổng số(a) (CFU/100mL)	(ISO 9308-1:2014)	< 1	< 1
2	*E.coli*(a) (CFU/100mL)	(ISO 9308-1:2014)	< 1	< 1
3	Asen(a) (mg/L)	QTKN/HL/11 (SMEWW-3125:2023)	0,002	0,01
4	Clo dư(a) (mg/L)	QTKN/HL/27 (SMEWW - 4500 Cl-F:2023)	0,2	0,2 - 1
5	Độ đục(a) (NTU)	QTKN/HL/01 (SMEWW-2130 B:2023)	< 0,1	2
6	Màu(a) (Pt/Co)	QTKN/HL/15 (SMEWW - 2120 C:2023)	< 3,0	15
7	Mùi(a)	QTKN/HL/64 (TCVN 2653:1978)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
8	pH(a)	QTKN/HL/10 (SMEWW - 4500 (H^+)-B:2023)	7,2	6 - 8,5
9	Amoni(a) (mgN/L)	QTKN/HL/04 (SMEWW - 4500 NH_3-F:2023)	< 0,1	1
10	Chỉ số Pecmanganat(a) (mg/L)	QTKN/HL/18 (TCVN 6186:1996)	1,0	2

Ghi chú:

(a): Thông số được công nhận phù hợp với ISO/IEC 17025:2017/ Parameter is accredited ISO/IEC 17025:2017

(*): Ngưỡng giới hạn cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt (QCVN 01-1:2024/BYT);

***Nhận xét:** Các thông số được phân tích trên đây nằm trong ngưỡng giới hạn cho phép của Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt (QCVN 01-1:2024/BYT).*

TRƯỞNG KHOA
HEAD OF DEPARTMENT

Hồ Văn Quốc

VIỆN TRƯỞNG
DIRECTOR

VIỆN PASTEUR NHA TRANG

Đỗ Thái Hùng

BM-TT-7.8

1.Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu được kiểm nghiệm./ *This result is only valid on tested sample.*
2.Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Pasteur Nha Trang. */This test report must not be reproduced, partially or fully, without the written approval of Pasteur Institute in Nha Trang.*
3.Thông tin của khách hàng và mẫu do khách hàng cung cấp./ *The sample information are written as client's request.*

Được quét bằng CamScanner